

Bản án số: **118/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/9/2017.

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Lê Thị Hạnh Sơn**

2. **Bà Lê Thị Kim Anh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Khương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 616/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1981 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: A 17/17A tổ X ấp Y, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Trọng C**, sinh năm: 1978 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A 17/17A tổ X ấp Y, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 5 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/1999, quyển số: 01/1997 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/3/1999.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, khó có thể hòa hợp. Bản thân bà không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này nữa, Bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên là Phạm Việt A, sinh ngày 08/01/2000 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 15/11/2006

Bà H đồng ý để hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000(Hai triệu) đồng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Về tài sản chung: bà H xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung bà H xác nhận không có nợ ai.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông Phạm Trọng C trình bày:

Ông Phạm Trọng C và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/1999, quyển số: 01/1997 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/3/1999.

Về con chung: có 02 con chung tên là Phạm Việt A, sinh ngày 08/01/2000 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 15/11/2006.

Quá trình chung sống bình thường, nay bà H yêu cầu ly hôn ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con và không muốn con cái khổ.

Về tài sản chung: ông C xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: ông C xác nhận không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Trọng C. Do ông Phạm Trọng C có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 05/1999, quyển số 01/1997 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/3/1999, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại giấy chứng nhận kết hôn số 05/1999, quyển số 01/1997 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/3/1999, trong đó ghi bà Phạm Thị H, sinh năm 1979, ông Phạm Trọng C, sinh năm 1977. Thực tế căn cứ vào Trích lục số 27/TLCCHT ngày 16-5-2017 của Ủy ban nhân dân huyện G tỉnh Bắc Ninh và chứng minh nhân dân của cả hai thì bà Phạm Thị H, sinh năm 1981 và ông Phạm Trọng C, sinh năm 1978.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H xác nhận là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp, xảy ra bạo lực trong gia đình thường xuyên, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu. Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân số 2387/UBND ngày 18/8/2017 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận có nội dung “Qua trao đổi trực tiếp với bà H thì được biết, trong thời gian chung sống tại A 17/17A tổ X ấp Y, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thì ông C bà H có xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến việc ai người đó làm, không nói chuyện với nhau, chỉ chăm sóc nuôi 02 con chung mà thôi”. Qua đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C là có mâu thuẫn, cả hai đã không quan tâm chăm sóc nhau từ lâu, thể hiện tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H yêu cầu ly hôn với ông C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện của bà H đồng ý giao hai con là Phạm Việt A, sinh ngày 08/01/2000 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 15/11/2000 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Căn cứ vào bản tự khai ngày 05/7/2017, trẻ Phạm Việt A và Phạm Trọng Q đều có nhu cầu ở với bố nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của bà H và hai trẻ Phạm Việt A và Phạm Trọng Q là đúng pháp luật và đạo đức xã hội.

Về tài sản chung: bà H và ông C cùng xác định không có tài sản chung, tòa không xét.

Về nợ chung: bà H và ông C cùng xác nhận là không nợ ai. Tòa không xét.

[3]Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Phạm Trọng C.

Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Phạm Trọng C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C chấm dứt (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/1999, quyển số 01/1997 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 06/3/1999 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao hai trẻ Phạm Việt A, sinh ngày 08/01/2000 và Phạm Trọng Q, sinh ngày 15/11/2000 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.000.000(Hai triệu) đồng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.Về tài sản chung: bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C xác định cả hai không có tài sản chung. Tòa không xét.

Về nợ chung: bà Phạm Thị H và ông Phạm Trọng C xác định không nợ ai. Tòa không xét.

4.Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Do bà H đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0021871 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà H còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5.Về quyền kháng cáo: bà H và ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TANDTPHCM
VKSNĐ huyện Bình Chánh
Chi cục THA huyện Bình Chánh
Các đương sự
UBND nơi đs đăng ký kết hôn
Lưu VP
Lưu hs

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền